

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST

Ngày 04-6-2021

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Sớm

Ông Vũ Văn Thôn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2021/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 337/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 05 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 316/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị P, nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn A, nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 02 năm 2021 và bản tự khai, nguyên đơn là bà Vũ Thị P trình bày: Về quan hệ vợ chồng, bà Vũ Thị P và ông Đỗ Văn A tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Sau đó ông bà chung sống với nhau tại thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng được một thời gian

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, thiếu quan tâm và không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, bà P về nhà bố mẹ đẻ ở thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng từ năm 1994 đến nay và vợ chồng sống ly thân từ đó, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn với ông Đỗ Văn A. Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Đỗ Thị T sinh ngày 26 tháng 11 năm 1992, chị Thúy đã đủ 18 tuổi và không thuộc trường hợp phải chăm sóc, nuôi dưỡng nên bà P không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, bà P không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà P còn trình bày: Trong hộ khẩu của bà P có tên 01 người con là Nguyễn Trọng H sinh ngày 06 tháng 01 năm 2006, giấy khai sinh của cháu H ghi họ tên cha là ông Nguyễn Trọng M. Bà P khẳng định đây là con chung của bà P và ông M, không liên quan đến ông A và bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn là ông Đỗ Văn A trình bày: Ông thống nhất với bà P về thời gian, điều kiện xây dựng hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông A là do ông A chơi bời, thiếu quan tâm đến gia đình, vợ con. Bà P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng từ năm 1995. Nay bà P có đơn xin ly hôn ông A xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đồng ý với đề nghị của bà P. Về con chung: Ông A thống nhất vợ chồng có 01 con chung như bà P đã trình bày, ngoài ra ông không còn người con chung nào khác với bà P, ông A không yêu cầu tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung.

Tại phiên tòa, bà Vũ Thị P và ông Đỗ Văn A đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án nhân dân huyện An Lão đã xác định đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp, thẩm quyền, thời hạn giải quyết vụ án, tư cách đương sự, mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh, thu thập chứng cứ, cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đều được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề xuất việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b Điều 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 Ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình và Điểm b Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001 hướng

dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 Ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận vợ chồng giữa bà Vũ Thị P và ông Đỗ Văn A; về án phí: Bà P phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Vũ Thị P có đơn khởi kiện đề nghị "Không công nhận quan hệ vợ chồng" với ông Đỗ Văn A. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Phước là bị đơn trong vụ án và cư trú tại xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là bà Vũ Thị P vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Đỗ Văn A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Vũ Thị P và ông Đỗ Văn A.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ vợ chồng: Bà Vũ Thị P và ông Đỗ Văn A đều xác nhận tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không hợp nhau, không tìm được giải pháp nào để khắc phục mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ năm 1995 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà và ông A. Ông A cũng đồng ý với đề nghị của bà P. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn của ông bà đã ngày càng căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà P đề nghị Không công nhận quan hệ vợ chồng với ông A là có căn cứ và cần áp dụng quy định Điều 14, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Điểm b Điều 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 Ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình và Điểm b Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 Ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành

Luật Hôn nhân và Gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa và Vũ Thị P và ông Đỗ Văn A.

[4] Về con chung: Bà Vũ Thị P và ông Đỗ Văn A có 01 con chung là Đỗ Thị T sinh ngày 26 tháng 11 năm 1992, chị Thúy đã đủ 18 tuổi và không thuộc trường hợp phải chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà P và ông A đều khẳng định không còn người con chung nào khác và không đề nghị giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Bà P và ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà P là nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Bà P và ông A được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 14, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 244; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị P.

1. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Vũ Thị P và ông Đỗ Văn A.

2. Về con chung: Bà Vũ Thị P và ông Đỗ Văn A có 01 con chung đã đủ 18 tuổi và không thuộc trường hợp phải chăm sóc, nuôi dưỡng, ông bà không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Bà Vũ Thị P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Vũ Thị P đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011693 ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Như vậy, bà Vũ Thị P đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Vũ Thị P và ông Đỗ Văn A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND H. An Lão;
- Chi cục THADS H. An Lão;
- UBND xã Q, H. A;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên